

DANH SÁCH HỌC SINH
Lớp 10A1

GVCN: Dương Anh Thu - SĐT: 0867676227

Nhóm môn học lựa chọn: Vật lý - Hóa học - Sinh học - CNCN

Cụm chuyên đề học tập: Toán - Vật lý - Hóa học

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Ghi chú
1	Huỳnh Ngọc Trâm Anh	66000733-00-7372	15/6/2011	Nữ	Kinh	
2	Nguyễn Minh Anh	66000733-00-7377	26/02/2011	Nữ	Kinh	
3	Nguyễn Thị Thủy Anh	66000733-00-7397	01/01/2011	Nữ	Kinh	
4	Nguyễn Ngọc Ánh	66000733-00-7382	20/05/2011	Nữ	Kinh	
5	Vù Thị Chợ	66000733-00-7376	06/6/2011	Nữ	HMMông	
6	Lê Nguyễn Việt Cường	66000733-00-7401	01/02/2011	Nam	Kinh	
7	Vàng Thị Dâu	66000733-00-7389	29/8/2011	Nữ	HMMông	
8	Nguyễn Minh Đức	66000733-00-7402	23/12/2011	Nam	Kinh	
9	Phạm Hữu Đức	66000733-00-7373	30/3/2011	Nam	Kinh	
10	Trần Nguyễn Ngọc Trà Gia	66000733-00-7385	09/9/2011	Nữ	Kinh	
11	Trần Nguyễn Gia Hân	66000733-00-7403	06/9/2011	Nữ	Kinh	
12	Cao Thị Thanh Hiền	66000733-00-7384	09/8/2011	Nữ	Kinh	
13	Hồ Trọng Hiệp	66000733-00-7408	27/7/2011	Nam	Kinh	
14	Võ Văn Huy	66000733-00-7411	13/8/2011	Nam	Kinh	
15	Trịnh Trương Trung Kiên	66000733-00-7383	07/3/2011	Nam	Kinh	
16	Sùng Thị Lú	66000733-00-7390	07/12/2011	Nữ	HMMông	
17	Nguyễn Thị Minh Lý	66000733-00-7410	27/01/2011	Nữ	Kinh	
18	Võ Thị Trà My	66000733-00-7392	05/4/2011	Nữ	Kinh	
19	Lê Chi Na	66000733-00-7391	01/02/2011	Nữ	Kinh	
20	Nguyễn Thị Nhật Na	66000733-00-7386	18/01/2011	Nữ	Kinh	
21	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	66000733-00-7375	01/10/2011	Nữ	Kinh	
22	Nguyễn Trường Nguyên	66000733-00-7409	09/6/2011	Nam	Kinh	
23	Trịnh Bảo Nguyên	66000733-00-7407	06/9/2011	Nam	Kinh	
24	Trương Kỳ Nguyên	66000733-00-7381	22/01/2011	Nam	Kinh	
25	Dương Thị Uyên Nhi	66000733-00-7405	24/11/2011	Nữ	Kinh	
26	Đinh Thị Hồng Nhung	66000733-00-7371	22/5/2011	Nữ	Kinh	
27	Thào Thị Nú	66000733-00-7396	29/8/2011	Nữ	HMMông	
28	Nguyễn Thị Thu Phương	66000733-00-7400	18/9/2011	Nữ	Kinh	
29	Lê Trần Như Quỳnh	66000733-00-7394	01/5/2011	Nữ	Kinh	
30	Lê Thế Thanh	66000733-00-7404	14/7/2011	Nam	Kinh	
31	Trần Thị Phương Thanh	66000733-00-7387	09/6/2011	Nữ	Kinh	
32	Giàng Thị Thu	66000733-00-7393	01/02/2011	Nữ	HMMông	
33	Lê Anh Thư	66000733-00-7395	19/7/2011	Nữ	Kinh	
34	Nguyễn Phan Bảo Thy	66000733-00-7406	04/12/2011	Nữ	Kinh	
35	Hoàng Thị Bảo Trâm	66000733-00-7414	01/8/2011	Nữ	Kinh	
36	Chu Thị Bảo Trang	66000733-00-7380	24/02/2011	Nữ	Kinh	
37	Phan Thị Thanh Trúc	66000733-00-7374	19/8/2011	Nữ	Kinh	
38	Trần Nguyễn Khánh Trúc	66000733-00-7379	17/11/2011	Nữ	Kinh	
39	Lê Giang Trường	66000733-00-7412	17/8/2011	Nam	Kinh	
40	Nguyễn Võ Đức Trường	66000733-00-7388	16/02/2011	Nam	Kinh	
41	Nguyễn Thủy Tùng	66000733-00-7398	09/8/2011	Nữ	Kinh	
42	Phạm Thanh Tuyền	66000733-00-7413	07/10/2011	Nữ	Kinh	
43	Đoàn Hà Tường Vy	66000733-00-7378	06/11/2011	Nữ	Kinh	
44	Lý Thị Trà Vy	66000733-00-7399	22/01/2011	Nữ	Kinh	

Danh sách này có 44 học sinh./.

**DANH SÁCH HỌC SINH
LỚP 10A2**

GVCN: Thầy Ynam Buôn Krông - SĐT: 0973789726

Nhóm môn học lựa chọn: Vật lý - Hóa học - Sinh học - Địa lý

Cụm chuyên đề học tập: Toán - Vật lý - Hóa học

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	Lù Thị Che	66000733-00-7440	06/6/2011	Nữ	H'Mông		
2	Phan Hoàng Thùy Dung	66000733-00-7432	29/5/2011	Nữ	Kinh		
3	Hoàng Chí Dũng	66000733-00-7449	30/4/2011	Nam	Kinh		
4	Nguyễn Thị Trà Giang	66000733-00-7455	31/8/2011	Nữ	Kinh		
5	Vũ Anh Hào	66000733-00-7418	10/10/2011	Nam	Kinh		
6	Trần Thị Thu Hiền	66000733-00-7458	26/8/2011	Nữ	Kinh		
7	Nguyễn Trọng Hiếu	66000733-00-7442	24/12/2011	Nam	Kinh		
8	Phạm Đoàn Tuấn Hưng	66000733-00-7421	04/9/2011	Nam	Kinh		
9	Lê Đức Huy	66000733-00-7444	26/8/2011	Nam	Kinh		
10	Trần Bảo Huy	66000733-00-7445	23/5/2011	Nam	Kinh		
11	Nguyễn Ngọc Huyền	66000733-00-7456	02/01/2011	Nữ	Kinh		
12	Nguyễn Nguyên Khang	66000733-00-7446	02/6/2011	Nam	Kinh		
13	Bùi Nguyễn Ngọc Lan	66000733-00-7447	30/4/2011	Nữ	Kinh		
14	Đặng Thuỳ Linh	66000733-00-7454	18/5/2011	Nữ	Kinh		
15	Đậu Văn Thành Lương	66000733-00-7439	16/12/2011	Nam	Kinh		
16	Nguyễn Thị Ngọc Ly	66000733-00-7420	07/12/2011	Nữ	Kinh		
17	Sùng Seo Mạnh	66000733-00-7436	15/4/2011	Nam	H'Mông		
18	Nguyễn Phan Bảo Nam	66000733-00-7441	03/3/2011	Nam	Kinh		
19	Nguyễn Tiến Bảo Nam	66000733-00-7443	13/12/2011	Nam	Kinh		
20	Lê Chế Trọng Nghĩa	66000733-00-7428	06/01/2011	Nam	Kinh		
21	Trần Thị Thảo Nguyên	66000733-00-7416	21/5/2011	Nữ	Kinh		
22	Trần Thị Yến Nhi	66000733-00-7417	08/10/2011	Nữ	Kinh		
23	H' Thom Niê	66000733-00-7425	13/10/2011	Nữ	Ê-đê		
24	Thảo Văn Phòng	66000733-00-7434	14/8/2011	Nam	H'Mông		
25	Giàng A Phong	66000733-00-7437	21/3/2011	Nam	H'Mông		
26	Nguyễn Đặng Anh Quân	66000733-00-7450	09/8/2011	Nam	Kinh		
27	Tô Minh Quân	66000733-00-7451	07/01/2011	Nam	Kinh		
28	Nguyễn Hoàng Như Quỳnh	66000733-00-7457	28/10/2011	Nữ	Kinh		
29	Giàng Thị Sái	66000733-00-7453	12/01/2009	Nữ	H'Mông		
30	Giàng Seo Thế	66000733-00-7431	20/7/2011	Nam	H'Mông		
31	Nguyễn Thị Thủy Trâm	66000733-00-7426	28/6/2011	Nữ	Kinh		
32	Trần Ngọc Bảo Trâm	66000733-00-7424	18/12/2011	Nữ	Kinh		
33	Diệp Doan Trang	66000733-00-7438	06/8/2011	Nữ	Sán Dìu		
34	Lưu Thị Phương Trinh	66000733-00-7415	04/10/2011	Nữ	Kinh		
35	Nguyễn Bảo Trinh	66000733-00-7429	07/11/2011	Nữ	Kinh		
36	Trần Đức Trường	66000733-00-7448	21/10/2011	Nam	Kinh		
37	Trương Đình Ước	66000733-00-7419	04/01/2011	Nam	Kinh		
38	Bùi Thị Ngọc Uyên	66000733-00-7427	13/10/2011	Nữ	Kinh		
39	Nguyễn Quốc Vinh	66000733-00-7430	25/4/2011	Nam	Kinh		
40	Nguyễn Hoàng Phúc Vĩnh	66000733-00-7452	19/02/2011	Nam	Kinh		
41	Hoàng Ngọc Khánh Vy	66000733-00-7422	10/12/2011	Nữ	Kinh		
42	Giàng Seo Xi	66000733-00-7435	27/10/2011	Nam	H'Mông		
43	Sùng Thị Xoa	66000733-00-7423	19/5/2011	Nữ	H'Mông		
44	Đoàn Thị Bảo Yến	66000733-00-7433	19/3/2011	Nữ	Kinh		

Danh sách này có 44 học sinh./.

DANH SÁCH HỌC SINH
Lớp 10A3

GVCN: Cô Nguyễn Thị Bé - SĐT: 0969274699

Nhóm môn học lựa chọn: Vật lý - GDKTPL - Tin học - Địa Lý

Cụm chuyên đề học tập: Vật lý - Lịch sử - Ngữ văn

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	Bùi Thị Lan Anh	66000733-00-7474	18/8/2011	Nữ	Kinh		
2	Trần Hoàng Anh	66000733-00-7497	04/10/2010	Nam	Kinh		
3	Đoàn Văn Gia Bảo	66000733-00-7496	25/12/2011	Nam	Kinh		
4	Thào Thị Báu	66000733-00-7462	22/02/2011	Nữ	H'Mông		
5	Ma Thị Cá	66000733-00-7475	10/4/2011	Nữ	H'Mông		
6	Nguyễn Văn Cánh	66000733-00-7501	20/9/2010	Nam	Kinh		
7	Lê Nguyễn Bảo Châu	66000733-00-7469	23/5/2011	Nữ	Kinh		
8	Trần Hồ Hải Đăng	66000733-00-7500	09/6/2011	Nam	Kinh		
9	Nguyễn Xuân Đào	66000733-00-7502	12/12/2010	Nam	Kinh		
10	Nguyễn Thành Đạt	66000733-00-7492	28/11/2010	Nam	Kinh		
11	Nguyễn Thanh Diệp	66000733-00-7460	18/5/2011	Nữ	Kinh		
12	Hàng Thị Pằng Dín	66000733-00-7471	27/7/2011	Nữ	H'Mông		
13	Giàng Thị Dính	66000733-00-7470	28/7/2011	Nữ	H'Mông		
14	Hoàng Công Đoàn	66000733-00-7493	19/12/2011	Nam	Tày		
15	Hoàng Thị Hằng	66000733-00-7468	28/9/2011	Nữ	H'Mông		
16	Nguyễn Đức Hiếu	66000733-00-7494	15/3/2011	Nam	Kinh		
17	Vàng Thị Hóa	66000733-00-7480	25/3/2010	Nữ	H'Mông		
18	Lê Huy Hoàng	66000733-00-7499	20/9/2011	Nam	Kinh		
19	Nguyễn Gia Huy	66000733-00-7485	15/9/2011	Nam	Kinh		
20	Đặng Vũ Anh Khoa	66000733-00-7491	06/10/2011	Nam	Kinh		
21	Võ Đặng Thuỷ Linh	66000733-00-7467	28/01/2011	Nữ	Kinh		
22	Bùi Đình Hoàng Long	66000733-00-7498	28/7/2011	Nam	Kinh		
23	Cư Văn Long	66000733-00-7490	15/12/2011	Nam	H'Mông		
24	Lý Thị Xuân Mai	66000733-00-7472	30/11/2011	Nữ	H'Mông		
25	Đậu Thị Mỹ	66000733-00-7463	06/6/2011	Nữ	Kinh		
26	Phan Trần Anh Nhi	66000733-00-7465	10/7/2011	Nữ	Kinh		
27	Vương Thị Yên Nhi	66000733-00-7481	10/5/2011	Nữ	Kinh		
28	Nguyễn Hoàng Phi	66000733-00-7484	30/7/2011	Nam	Kinh		
29	Thào A Phóng	66000733-00-7489	03/3/2011	Nam	H'Mông		
30	Bùi Hoàng Phúc	66000733-00-7488	03/11/2011	Nam	Kinh		
31	Nguyễn Duy Phước	66000733-00-7486	03/11/2011	Nam	Kinh		
32	Thào Văn Quyền	66000733-00-7487	15/11/2011	Nam	H'Mông		
33	Phạm Thị Diễm Quỳnh	66000733-00-7478	14/9/2011	Nữ	Kinh		
34	Giàng Thị Hoa Sen	66000733-00-7479	19/02/2011	Nữ	H'Mông		
35	Ma Văn Sin	66000733-00-7483	29/10/2011	Nam	H'Mông		
36	Đoàn Minh Sơn	66000733-00-7482	24/9/2011	Nam	Kinh		
37	Nguyễn Vũ Khánh Thi	66000733-00-7473	22/6/2011	Nữ	Kinh		
38	Lê Xuân Thông	66000733-00-7495	12/10/2011	Nam	Kinh		
39	Lê Nguyễn Hoài Thương	66000733-00-7477	10/7/2011	Nữ	Kinh		
40	Nguyễn Thanh Thùy Tiên	66000733-00-7476	20/8/2011	Nữ	Kinh		
41	Nguyễn Thị Thanh Trúc	66000733-00-7459	01/7/2011	Nữ	Kinh		
42	Hồ Thị Ánh Tuyết	66000733-00-7461	20/12/2011	Nữ	Kinh		
43	Bùi Thảo Vy	66000733-00-7466	04/9/2011	Nữ	Kinh		
44	Nguyễn Trần Phương Vy	66000733-00-7464	25/10/2011	Nữ	Kinh		

Danh sách này có 44 học sinh./.

DANH SÁCH HỌC SINH

Lớp 10A4

GVCN: Cô Nguyễn Thị Hoàng Vân - SĐT: 0976215667

Nhóm môn học lựa chọn: Vật lý - GDKTPL - Tin học - Địa Lý

Cụm chuyên đề học tập: Vật lý - Lịch sử - Ngữ văn

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	Lù Thị Bấu	66000733-00-7525	31/01/2011	Nữ	H'Mông		
2	Lý Quốc Ca	66000733-00-7533	15/9/2011	Nam	H'Mông		
3	Giảng Thị Chi	66000733-00-7509	26/01/2011	Nữ	H'Mông		
4	Thào Thị Chu	66000733-00-7513	04/4/2009	Nữ	H'Mông		
5	Sùng Seo Công	66000733-00-7536	27/12/2011	Nam	H'Mông		
6	Hồ Nhật Đăng	66000733-00-7545	06/02/2011	Nam	Kinh		
7	Vũ Hải Đăng	66000733-00-7529	15/8/2011	Nam	Kinh		
8	Giảng Thành Đạt	66000733-00-7540	05/02/2011	Nam	H'Mông		
9	Giảng Thị Dừa	66000733-00-7519	09/8/2010	Nữ	H'Mông		
10	Lê Anh Dũng	66000733-00-7537	16/02/2010	Nam	Kinh		
11	Lê Đức Hải	66000733-00-7543	09/01/2010	Nam	Kinh		
12	Nguyễn Văn Hải	66000733-00-7546	04/5/2011	Nam	Kinh		
13	Nguyễn Đức Hậu	66000733-00-7539	22/12/2011	Nam	Kinh		
14	Ma Thị Hi	66000733-00-7512	01/02/2011	Nữ	H'Mông		
15	Đào An Khánh	66000733-00-7520	29/12/2011	Nữ	Kinh		
16	Lê Thị Thu Lan	66000733-00-7517	02/6/2011	Nữ	Kinh		
17	Cao Đăng Lộc	66000733-00-7542	09/5/2011	Nam	Kinh		
18	Trần Nguyễn Lộc	66000733-00-7535	02/9/2011	Nam	Kinh		
19	Lù Seo Lữ	66000733-00-7530	13/6/2011	Nam	H'Mông		
20	Đào Thị Thảo Ly	66000733-00-7511	15/10/2011	Nữ	Kinh		
21	Giảng Thị Xuân Mi	66000733-00-7524	06/12/2010	Nữ	H'Mông		
22	Bùi Nhật Minh	66000733-00-7526	05/9/2011	Nam	Kinh		
23	Giáp Ngọc Nam	66000733-00-7505	28/10/2011	Nữ	Kinh		
24	Nguyễn Hoàng Bảo Nam	66000733-00-7541	08/8/2011	Nam	Kinh		
25	Ma Thị Dung Nhi	66000733-00-7507	06/11/2011	Nữ	H'Mông		
26	Cao Thị Tuyết Nhung	66000733-00-7508	07/12/2011	Nữ	Kinh		
27	Sùng Seo Phong	66000733-00-7538	16/02/2011	Nam	H'Mông		
28	Thào Seo Táng	66000733-00-7531	28/10/2010	Nam	H'Mông		
29	Nguyễn Thị Thanh Thảo	66000733-00-7518	23/11/2011	Nữ	Kinh		
30	Trần Anh Thư	66000733-00-7514	30/8/2011	Nữ	Kinh		
31	Lê Nguyễn Thùy Tiên	66000733-00-7506	08/5/2011	Nữ	Kinh		
32	Nguyễn Thu Trà	66000733-00-7515	20/12/2011	Nữ	Kinh		
33	Hồ Thị Thanh Trúc	66000733-00-7522	09/02/2011	Nữ	Kinh		
34	Nguyễn Nam Trung	66000733-00-7528	19/11/2011	Nam	Kinh		
35	Giảng Seo Tú	66000733-00-7534	24/12/2011	Nam	H'Mông		
36	Nguyễn Anh Tú	66000733-00-7544	14/11/2011	Nam	Kinh		
37	Thào Seo Vành	66000733-00-7532	15/02/2011	Nam	H'Mông		
38	Giảng Thị Vi	66000733-00-7510	03/9/2011	Nữ	H'Mông		
39	Trần Thị Phương Vi	66000733-00-7504	26/01/2011	Nữ	Kinh		
40	Trần Anh Vũ	66000733-00-7527	31/10/2011	Nam	Kinh		
41	Hồ Thị Tường Vy	66000733-00-7521	16/10/2011	Nữ	Kinh		
42	Lê Thị Thảo Vy	66000733-00-7503	19/10/2011	Nữ	Kinh		
43	Giảng Thị Xái	66000733-00-7516	08/7/2011	Nữ	H'Mông		
44	Thào Thị Thanh Xuân	66000733-00-7523	16/02/2011	Nữ	H'Mông		

Danh sách này có 44 học sinh./.

DANH SÁCH HỌC SINH
Lớp 10A5GVCN

GVCN: Thầy Phạm Thành Trung - SĐT: 0982095773

Nhóm môn học lựa chọn: Vật lý - GDKTPL - Tin học - Địa Lý

Cụm chuyên đề học tập: Vật lý - Lịch sử - Ngữ văn

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	Hồ Lan Anh	66000733-00-7558	22/7/2011	Nữ	Kinh		
2	Lê Nguyễn Quốc Anh	66000733-00-7584	07/11/2011	Nam	Kinh		
3	Thào A Anh	66000733-00-7572	05/5/2011	Nam	H'Mông		
4	Hồ Ngọc Ánh	66000733-00-7569	06/4/2011	Nữ	Kinh		
5	Lê Gia Bảo	66000733-00-7573	18/4/2011	Nam	Kinh		
6	Giảng Thị Bê	66000733-00-7551	28/7/2011	Nữ	H'Mông		
7	Đoàn Văn Biên	66000733-00-7586	16/7/2011	Nam	Kinh		
8	Giảng Thị Chai	66000733-00-7553	09/01/2011	Nữ	H'Mông		
9	Nguyễn Kim Đan	66000733-00-7559	28/6/2011	Nữ	Kinh		
10	Sùng Thị Danh	66000733-00-7568	10/5/2010	Nữ	H'Mông		
11	Hoàng Dương Thành Đạt	66000733-00-7581	10/3/2011	Nam	Kinh		
12	Phạm Xuân Đạt	66000733-00-7582	08/3/2010	Nam	Kinh		
13	Chánh Thị Đậu	66000733-00-7557	08/6/2011	Nữ	H'Mông		
14	Giảng Thị Dí	66000733-00-7552	11/4/2010	Nữ	H'Mông		
15	Giảng Chân Diu	66000733-00-7579	22/02/2010	Nam	H'Mông		
16	Nguyễn Thị Thanh Hạ	66000733-00-7556	22/5/2011	Nữ	Kinh		
17	Hà Thị Ngọc Hân	66000733-00-7554	23/8/2011	Nữ	Kinh		
18	Mai Văn Hoàng	66000733-00-7585	27/9/2011	Nam	Kinh		
19	Ngô Mạnh Hùng	66000733-00-7576	16/01/2011	Nam	Kinh		
20	Hoàng Đình Nam	66000733-00-7583	14/9/2011	Nam	Kinh		
21	Hoàng Hải Nam	66000733-00-7580	02/8/2011	Nam	Kinh		
22	Bùi Hồ Bảo Ngọc	66000733-00-7549	30/6/2011	Nữ	Kinh		
23	Trương Thị Bảo Ngọc	66000733-00-7570	20/10/2011	Nữ	Kinh		
24	Giảng A Nhả	66000733-00-7590	19/11/2010	Nam	H'Mông		
25	Nguyễn Thị Thanh Nhân	66000733-00-7561	17/10/2011	Nữ	Kinh		
26	Ma Văn Phành	66000733-00-7575	29/11/2011	Nam	H'Mông		
27	Nguyễn Hoàng Kim Phụng	66000733-00-7560	15/4/2011	Nữ	Kinh		
28	Hồ Hạ Quân	66000733-00-7564	12/5/2011	Nữ	Kinh		
29	Ma A Sín	66000733-00-7578	14/4/2011	Nam	H'Mông		
30	Giảng A Tánh	66000733-00-7577	24/5/2011	Nam	H'Mông		
31	Nguyễn Viết Tạo	66000733-00-7589	21/10/2011	Nam	Kinh		
32	Nguyễn Huy Thành	66000733-00-7574	13/9/2011	Nam	Kinh		
33	Lê Hồng Thịnh	66000733-00-7571	07/4/2011	Nam	Kinh		
34	Trần Hoài Thương	66000733-00-7548	20/01/2011	Nữ	Kinh		
35	Lê Trần Thu Thủy	66000733-00-7567	18/10/2011	Nữ	Kinh		
36	Hồ Thủy Tiên	66000733-00-7555	06/02/2011	Nữ	Kinh		
37	Nguyễn Văn Tiến	66000733-00-7587	10/10/2011	Nam	Kinh		
38	Hồ Thị Thanh Trúc	66000733-00-7550	21/5/2011	Nữ	Kinh		
39	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	66000733-00-7588	16/01/2011	Nam	Kinh		
40	Đinh Ngọc Tô Uyên	66000733-00-7547	17/8/2011	Nữ	Kinh		
41	Nguyễn Thị Uyên	66000733-00-7562	19/10/2011	Nữ	Kinh		
42	Chu Thị Hà Vy	66000733-00-7565	26/9/2011	Nữ	Kinh		
43	Lưu Thị Nhật Vy	66000733-00-7563	09/7/2011	Nữ	Kinh		
44	Bùi Thị Như Ý	66000733-00-7566	04/5/2011	Nữ	Kinh		

Danh sách này có 44 học sinh./.

DANH SÁCH HỌC SINH
Lớp 10A6

GVCN: Hoàng Thị Thảo - SĐT: 0369925285

Nhóm môn học lựa chọn: Hóa học - Sinh học - CNNN - Địa lý

Cụm chuyên đề học tập: Ngữ văn - Lịch sử - Hóa học

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	Thái Hoàng Anh	66000733-00-7594	25/9/2011	Nữ	Kinh		
2	Lê Cảnh Đạt	66000733-00-7614	27/3/2011	Nam	Kinh		
3	Nguyễn Tiến Đạt	66000733-00-7623	16/7/2011	Nam	Kinh		
4	Vàng Thị Diên	66000733-00-7603	11/4/2011	Nữ	H'Mông		
5	Thào Seo Đông	66000733-00-7620	13/7/2011	Nam	H'Mông		
6	Phạm Văn Dương	66000733-00-7609	22/5/2011	Nam	Kinh		
7	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	66000733-00-7605	24/11/2011	Nữ	Kinh		
8	Nguyễn Thanh Hải	66000733-00-7622	22/11/2011	Nam	Kinh		
9	Cháng Thị Hên	66000733-00-7600	01/01/2011	Nữ	H'Mông		
10	Giảng Seo Hồng	66000733-00-7608	06/10/2009	Nam	H'Mông		
11	Hoàng Quang Huy	66000733-00-7611	28/01/2011	Nam	Kinh		
12	Nguyễn Anh Kiệt	66000733-00-7618	27/01/2011	Nam	Kinh		
13	Sùng Thị Lân	66000733-00-7591	14/02/2011	Nữ	H'Mông		
14	Nguyễn Khánh Linh	66000733-00-7602	23/5/2011	Nữ	Kinh		
15	Cháng Seo Mạnh	66000733-00-7610	29/6/2011	Nam	H'Mông		
16	Nguyễn Huỳnh Hải My	66000733-00-7593	04/4/2011	Nữ	Kinh		
17	Phạm Thị Ní Na	66000733-00-7592	18/01/2011	Nữ	Kinh		
18	Thào Thị Nga	66000733-00-7598	21/8/2010	Nữ	H'Mông		
19	Trần Nguyễn Bảo Ngà	66000733-00-7604	12/5/2011	Nữ	Kinh		
20	Hoàng Hữu Nghĩa	66000733-00-7616	25/8/2011	Nam	Kinh		
21	Trần Thị Bảo Ngọc	66000733-00-7597	05/02/2011	Nữ	Kinh		
22	Nguyễn Trung Nguyên	66000733-00-7613	07/5/2011	Nam	Kinh		
23	Nguyễn Đình Nhân	66000733-00-7617	04/9/2011	Nam	Kinh		
24	Lý Thị Kinh Như	66000733-00-7601	01/6/2011	Nữ	H'Mông		
25	Thào Thị Si	66000733-00-7596	25/6/2011	Nữ	H'Mông		
26	Giảng A Thanh	66000733-00-7615	01/01/2011	Nam	H'Mông		
27	Ma Văn Thanh	66000733-00-7607	30/7/2011	Nam	H'Mông		
28	Lý Thị Thủy	66000733-00-7595	30/12/2011	Nữ	H'Mông		
29	Sùng Tinh Toán	66000733-00-7606	16/3/2011	Nam	H'Mông		
30	Giảng A Tú	66000733-00-7619	28/3/2011	Nam	H'Mông		
31	Vàng Thị Ái Vi	66000733-00-7599	07/5/2011	Nữ	H'Mông		
32	Đàm Quang Vinh	66000733-00-7612	23/12/2011	Nam	Tày		
33	Hoàng Công Vinh	66000733-00-7621	19/6/2011	Nam	Kinh		
34	Thái Văn Mạnh	66000733-00-7622	17/02/2010	Nam	Kinh		

Danh sách này có 34 học sinh./.

DANH SÁCH HỌC SINH
Lớp 10A7

GVCN: H' Mel Ayun - SĐT: 0349573722

Nhóm môn học lựa chọn: Hóa học - Sinh học - CNNN - Địa lý

Cụm chuyên đề học tập: Ngữ văn - Lịch sử - Hóa học

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	Nguyễn Lê Lan Anh	66000733-00-7624	09/5/2011	Nữ	Kinh		
2	Nguyễn Huỳnh Gia Bảo	66000733-00-7650	03/11/2011	Nam	Kinh		
3	Thào Thị Bông	66000733-00-7634	05/01/2011	Nữ	H'Mông		
4	Châu Thị Chá	66000733-00-7633	18/5/2011	Nữ	H'Mông		
5	Lê Nguyễn Quốc Đạt	66000733-00-7656	18/5/2011	Nam	Kinh		
6	Sùng Thị Dín	66000733-00-7626	01/10/2011	Nữ	H'Mông		
7	Châu Duy Đông	66000733-00-7646	30/4/2011	Nam	H'Mông		
8	Ma Văn Hai	66000733-00-7638	22/8/2011	Nam	H'Mông		
9	Sùng Seo Hành	66000733-00-7642	01/8/2011	Nam	H'Mông		
10	Trần Trí Chí Hiếu	66000733-00-7648	12/6/2010	Nam	Kinh		
11	Lý Văn Tuấn Khang	66000733-00-7653	12/5/2011	Nam	Kinh		
12	Giàng Thị Lin	66000733-00-7629	14/7/2011	Nữ	H'Mông		
13	Sùng Thị Ly	66000733-00-7627	10/8/2011	Nữ	H'Mông		
14	Nguyễn Duy Mạnh	66000733-00-7651	29/4/2011	Nam	Kinh		
15	Nguyễn Quang Minh	66000733-00-7644	05/10/2011	Nam	Kinh		
16	Giàng Seo Minh	66000733-00-7639	15/3/2011	Nam	H'Mông		
17	Sùng Thị Mo	66000733-00-7635	20/01/2011	Nữ	H'Mông		
18	Giàng A Mông	66000733-00-7637	26/02/2011	Nam	H'Mông		
19	Sùng Seo Mông	66000733-00-7643	09/01/2009	Nam	H'Mông		
20	Chu Hoàng Quốc Nam	66000733-00-7647	13/4/2011	Nam	Sán Diu		
21	Nguyễn Khôi Nguyên	66000733-00-7649	23/11/2011	Nam	Kinh		
22	Lý Văn Nhân	66000733-00-7645	11/11/2009	Nam	H'Mông		
23	Sùng Thị Pê	66000733-00-7631	08/9/2011	Nữ	H'Mông		
24	Đào Việt Phong	66000733-00-7652	12/6/2011	Nam	Kinh		
25	Giàng Thị Phương	66000733-00-7628	07/10/2011	Nữ	H'Mông		
26	Nguyễn Đức Trung	66000733-00-7655	28/02/2011	Nam	Kinh		
27	Đào Nguyễn Anh Tuấn	66000733-00-7640	30/4/2011	Nam	Kinh		
28	Nguyễn Anh Tuấn	66000733-00-7654	10/3/2011	Nam	Kinh		
29	Phạm Văn Thanh Tùng	66000733-00-7641	07/6/2011	Nam	Kinh		
30	Thào Thị Vua	66000733-00-7632	06/3/2011	Nữ	H'Mông		
31	Hoàng Thảo Tường Vy	66000733-00-7625	25/6/2011	Nữ	Kinh		
32	Thào Thị Xuyên	66000733-00-7630	28/8/2010	Nữ	H'Mông		
33	Giàng Thị Yên	66000733-00-7636	25/4/2011	Nữ	H'Mông		
35	Tông Thường Kiệt	66000733-00-7637	17/11/2011	Nữ	Kinh		

Danh sách này có 35 học sinh./.

DANH SÁCH HỌC SINH
Lớp 11A1

GVCN: Phan Thị Thành - SĐT: 0979660135

Nhóm môn học lựa chọn: Vật lý - Hóa học - Tin học - Sinh học

Cụm chuyên đề học tập: Vật lý - Hóa học - Sinh học

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	Võ Hoàng Bình An	66000733-00-7134	01/11/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A1	
2	Lê Ngọc Anh	66000733-00-7135	22/02/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A1	
3	Nguyễn Thái Hải Anh	66000733-00-7136	11/12/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A1	
4	Trần Thị Minh Châu	66000733-00-7137	16/7/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A1	
5	Trần Quỳnh Chi	66000733-00-7167	13/6/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A1	
6	Nguyễn Phạm Hoàng Duy	66000733-00-7138	14/01/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A1	
7	Nguyễn Quốc Duy	66000733-00-7139	11/9/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A1	
8	Nguyễn Bùi Hồng Hiếu	66000733-00-7141	08/11/2010	Nam	Sán Diu	Lớp 10A1	
9	Lê Nguyễn Huy Hoàng	66000733-00-7370	03/5/2009	Nam	Kinh	Lớp 10A1	
10	Nguyễn Thị Thanh Huyền	66000733-00-7168	03/11/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A1	
11	Giáp Thị Ngọc Lan	66000733-00-7144	07/6/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A1	
12	Nguyễn Trần Mai Lan	66000733-00-7143	06/11/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A1	
13	Nguyễn Bảo Long	66000733-00-7145	15/6/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A1	
14	Lưu Diệu My	66000733-00-7146	12/9/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A1	
15	Nguyễn Đình Nguyên	66000733-00-7147	02/10/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A1	
16	Tô Ngọc Yến Nhi	66000733-00-7148	17/9/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A1	
17	Phạm Ngọc Quỳnh Như	66000733-00-7149	07/4/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A1	
18	Đinh Văn Ninh	66000733-00-7298	09/11/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A5	
19	Phạm Thị Kim Oanh	66000733-00-7150	18/11/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A1	
20	Nguyễn Thị Hoài Phương	66000733-00-7151	07/3/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A1	
21	Nguyễn Thị Kim Phương	66000733-00-7152	10/01/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A1	
22	Hoàng Nguyễn Như Quỳnh	66000733-00-7153	29/8/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A1	
23	Võ Như Quỳnh	66000733-00-7154	09/5/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A1	
24	Trịnh Văn Tài	66000733-00-7155	01/02/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A1	
25	Lê Nhật Tân	66000733-00-7156	02/11/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A1	
26	Bùi Thị Anh Thư	66000733-00-7157	25/4/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A1	
27	Nguyễn Trương Quỳnh Thư	66000733-00-7158	13/4/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A1	
28	Đỗ Thị Phương Thủy	66000733-00-7159	14/7/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A1	
29	Đặng Thị Bảo Trâm	66000733-00-7160	26/9/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A1	
30	Lê Thị Bảo Trâm	66000733-00-7161	01/4/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A1	
31	Nguyễn Trần Huyền Trang	66000733-00-7169	07/12/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A1	
32	Trần Thị Kiều Trinh	66000733-00-7162	06/4/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A1	
33	Hoàng Thiên Trung	66000733-00-7163	22/5/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A1	
34	Dương Thị Cẩm Tú	66000733-00-7164	19/4/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A1	
35	Đinh Hoàng Tùng	66000733-00-7165	02/02/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A1	
36	Nguyễn Ngọc Kiều Vy	66000733-00-7166	24/6/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A1	

Danh sách này có 36 học sinh./.

DANH SÁCH HỌC SINH
Lớp 11A2

GVCN: Trần Nhật Minh Châu - SĐT: 0374352591

Nhóm môn học lựa chọn: Vật lý - Hóa học - Tin học - CN (Thiết kế)

Cụm chuyên đề học tập: Vật lý - Hóa học - Tin học

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	Nguyễn Hồ Bảo Anh	66000733-00-7170	08/3/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A2	
2	Võ Thị Minh Ánh	66000733-00-7171	24/3/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A2	
3	Nguyễn Minh Chiến	66000733-00-7204	11/11/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A2	
4	Giàng A Công	66000733-00-7172	17/4/2010	Nam	H'Mông	Lớp 10A2	
5	Nguyễn Đình Tiến Đạt	66000733-00-7173	03/01/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A2	
6	Nguyễn Khánh Duy	66000733-00-7175	09/11/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A2	
7	Nguyễn Thành Duy	66000733-00-7202	10/8/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A2	
8	Phan Bảo Duy	66000733-00-7174	08/4/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A2	
9	Lưu Thị Mỹ Duyên	66000733-00-7176	05/11/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A2	
10	Lý Thị Hiền	66000733-00-7140	13/11/2010	Nữ	H'Mông	Lớp 10A2	
11	Nguyễn Minh Hiệp	66000733-00-7177	28/7/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A2	
12	Hồ Thị Ngọc Hoàn	66000733-00-7178	21/11/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A2	
13	Nguyễn Tuấn Kiệt	66000733-00-7203	06/02/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A2	
14	Nguyễn Công Kỳ	66000733-00-7180	20/4/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A2	
15	Nguyễn Chí Sơn Lâm	66000733-00-7182	05/11/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A2	
16	Nguyễn Hoàng Lâm	66000733-00-7181	15/7/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A2	
17	Nguyễn Lê Trà My	66000733-00-7184	22/8/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A2	
18	Phan Thị Thảo My	66000733-00-7183	10/02/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A2	
19	Trần Lê Thị Mỹ Ngân	66000733-00-7185	12/11/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A2	
20	Lê Võ Hạnh Như	66000733-00-7187	17/10/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A2	
21	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	66000733-00-7201	08/11/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A2	
22	Vũ Hồ Quỳnh Như	66000733-00-7186	18/5/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A2	
23	Châu Thị Nhung	66000733-00-7188	20/3/2010	Nữ	H'Mông	Lớp 10A2	
24	Nguyễn Thị Hồng Nhung	66000733-00-7189	31/01/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A2	
25	Tô Đức Phú	66000733-00-7190	14/01/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A2	
26	Vàng Trung Phước	66000733-00-7191	08/6/2010	Nam	H'Mông	Lớp 10A2	
27	Lê Văn Gia Thịnh	66000733-00-7192	05/9/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A2	
28	Nguyễn Trần Ngọc Thư	66000733-00-7193	22/12/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A2	
29	Hồ Đức Tiến	66000733-00-7194	19/7/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A2	
30	Nguyễn Anh Tuấn	66000733-00-7195	22/4/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A2	
31	Huỳnh Như Tường	66000733-00-7196	12/11/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A2	
32	Phạm Quốc Vương	66000733-00-7197	02/01/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A2	
33	Đoàn Võ Bảo Vy	66000733-00-7199	27/10/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A2	
34	Trần Thị Tường Vy	66000733-00-7198	07/02/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A2	
35	Lê Trần Gia Hân		17/12/2009	Nữ	Kinh		

Danh sách này có 35 học sinh./.

DANH SÁCH HỌC SINH
Lớp 11A3

GVCN: Lê Thị Thùy Trang - SĐT: 0355758015

Nhóm môn học lựa chọn: Hóa học - Sinh học - GDKTPL - Địa lý

Cụm chuyên đề học tập: Lịch sử - Ngữ văn - Hóa học

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Bích	66000733-00-7241	09/02/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A3	
2	Nguyễn Cao Cường	66000733-00-7205	30/10/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A3	
3	Hồ Hữu Đạt	66000733-00-7206	05/7/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A3	
4	Võ Thị Trà Giang	66000733-00-7207	01/7/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A3	
5	Ngô Nguyễn Trung Hiếu	66000733-00-7236	06/7/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A3	
6	Châu Thị Ngọc Hương	66000733-00-7142	04/9/2010	Nữ	H'Mông	Lớp 10A3	
7	Ngô Lục Mạnh Huy	66000733-00-7208	19/9/2009	Nam	Kinh	Lớp 10A3	
8	Thào Thị Lan	66000733-00-7209	09/01/2010	Nữ	H'Mông	Lớp 10A3	
9	Nguyễn Thị Khánh Linh	66000733-00-7210	19/9/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A3	
10	Trần Bảo Long	66000733-00-7211	21/8/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A3	
11	Trần Văn Hoài Nam	66000733-00-7235	25/10/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A3	
12	Nguyễn Trần Khánh Ngọc	66000733-00-7214	02/3/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A3	
13	Phạm Ánh Nguyệt	66000733-00-7215	15/6/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A3	
14	Thào Thị Nhi	66000733-00-7216	21/01/2010	Nữ	H'Mông	Lớp 10A3	
15	Lê Thị Quỳnh Như	66000733-00-7218	04/6/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A3	
16	Nguyễn Quỳnh Như	66000733-00-7217	04/8/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A3	
17	Sùng Seo Nù	66000733-00-7219	25/02/2010	Nam	H'Mông	Lớp 10A3	
18	Giàng Công Phử	66000733-00-7220	05/02/2010	Nam	H'Mông	Lớp 10A3	
19	Nguyễn Ngọc Phúc	66000733-00-7221	10/8/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A3	
20	Phạm Văn Quân	66000733-00-7237	19/8/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A3	
21	Nguyễn Hữu Quang	66000733-00-7222	25/12/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A3	
22	Nguyễn Thị Như Quỳnh	66000733-00-7223	20/3/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A3	
23	Thào Thị Sai	66000733-00-7224	04/10/2010	Nữ	H'Mông	Lớp 10A3	
24	Lù Thị Thu Si	66000733-00-7225	04/11/2010	Nữ	H'Mông	Lớp 10A3	
25	Giàng Thị Sinh	66000733-00-7226	19/01/2010	Nữ	H'Mông	Lớp 10A3	
26	Giàng Văn Sơn	66000733-00-7227	11/01/2009	Nam	H'Mông	Lớp 10A3	
27	Nguyễn Thị Hà Tiên	66000733-00-7229	17/4/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A3	
28	Thào A Tú	66000733-00-7231	03/3/2010	Nam	H'Mông	Lớp 10A3	
29	Giàng A Tuấn	66000733-00-7232	14/10/2010	Nam	H'Mông	Lớp 10A3	
30	Nguyễn Ngọc Tường Vy	66000733-00-7233	23/6/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A3	
31	Phạm Thị Khánh Vy	66000733-00-7234	26/10/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A3	

Danh sách này có 31 học sinh./.

DANH SÁCH HỌC SINH
Lớp 11A4

GVCN: Nguyễn Thị Hiền - SĐT: 0963043075

Nhóm môn học lựa chọn: Hóa học - Sinh học - GDKTPL - Địa lý

Cụm chuyên đề học tập: Lịch sử - Ngữ văn - Hóa học

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	Lưu Hoài An	66000733-00-7238	15/9/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A4	
2	Giàng Văn Báo	66000733-00-7239	03/01/2010	Nam	H'Mông	Lớp 10A4	
3	Trần Quốc Bảo	66000733-00-7240	19/9/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A4	
4	Bùi Thị Diệp Chi	66000733-00-7242	05/01/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A4	
5	Bùi Thị Anh Đào	66000733-00-7243	04/12/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A4	
6	Thào Thị Dưa	66000733-00-7244	26/6/2010	Nữ	H'Mông	Lớp 10A4	
7	Trần Thủy Dung	66000733-00-7245	06/4/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A4	
8	Nguyễn Anh Dũng	66000733-00-7271	15/11/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A4	
9	Thào Thanh Hải	66000733-00-7246	24/5/2010	Nam	H'Mông	Lớp 10A4	
10	Sùng Thị Hiền	66000733-00-7248	29/9/2010	Nữ	H'Mông	Lớp 10A4	
11	Cháng Thị Lan	66000733-00-7249	01/01/2010	Nữ	H'Mông	Lớp 10A4	
12	Hoàng Văn Lợi	66000733-00-7250	17/9/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A4	
13	Thào Thanh Lương	66000733-00-7251	02/02/2010	Nam	H'Mông	Lớp 10A4	
14	Hồ Hữu Minh	66000733-00-7253	17/7/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A4	
15	Giàng Seo Mông	66000733-00-7254	25/12/2010	Nam	H'Mông	Lớp 10A4	
16	Lù Seo Nu	66000733-00-7255	29/8/2009	Nam	H'Mông	Lớp 10A4	
17	Sùng A Phi	66000733-00-7256	04/12/2009	Nam	H'Mông	Lớp 10A4	
18	Vũ Nguyên Phương	66000733-00-7257	21/7/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A4	
19	Nguyễn Phú Quang	66000733-00-7258	27/9/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A4	
20	Phan Trọng Sáng	66000733-00-7259	18/8/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A4	
21	Hồ Xuân Sơn	66000733-00-7260	01/6/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A4	
22	Lê Hồng Sơn	66000733-00-7261	02/01/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A4	
23	Giàng Thị Súa	66000733-00-7262	05/5/2010	Nữ	H'Mông	Lớp 10A4	
24	Ma Seo Tám	66000733-00-7263	10/6/2010	Nam	H'Mông	Lớp 10A4	
25	Lê Phạm Tâm	66000733-00-7264	18/11/2009	Nam	Kinh	Lớp 10A4	
26	Lê Trần Minh Tân	66000733-00-7265	28/8/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A4	
27	Nguyễn Quốc Thái	66000733-00-7266	28/9/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A4	
28	Nguyễn Thành Trung	66000733-00-7267	10/8/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A4	
29	Nguyễn Văn Trường	66000733-00-7268	24/5/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A4	
30	Lê Anh Vũ	66000733-00-7272	14/10/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A4	
31	Lê Thị Tường Vy	66000733-00-7269	20/4/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A4	
32	Lưu Thị Hải Yến	66000733-00-7270	20/7/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A4	

Danh sách này có 32 học sinh./.

DANH SÁCH HỌC SINH
Lớp 11A5

GVCN: Nguyễn Thị Thu Hà - SĐT: 0976094730

Nhóm môn học lựa chọn: Địa lý - Tin học - Sinh học - CN (Trồng trọt)

Cụm chuyên đề học tập: Lịch sử - Ngữ văn - Địa lý

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	Lê Công Hiếu	54072768	11/02/2008	Nam	Kinh	Lớp 11B4	
2	Nguyễn Trung Hiếu	54072767	21/3/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B4	
3	Hồ Thị Ngọc Ánh	66000733-00-7273	30/4/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A5	
4	Đỗ Huỳnh Gia Bảo	66000733-00-7274	13/12/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A5	
5	Trần Hoàng Bảo Châu	66000733-00-7275	02/10/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A5	
6	Bế Thị Thủy Chi	66000733-00-7276	18/12/2010	Nữ	Tày	Lớp 10A5	
7	Phạm Huyền Dịu	66000733-00-7277	01/8/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A5	
8	Vàng Thị Đông	66000733-00-7278	29/6/2010	Nữ	H'Mông	Lớp 10A5	
9	Hồ Văn Đức	66000733-00-7279	20/3/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A5	
10	Nguyễn Thị Duyên	66000733-00-7280	29/5/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A5	
11	Giảng Thị Ế	66000733-00-7281	26/8/2010	Nữ	H'Mông	Lớp 10A5	
12	Nguyễn Hoàng Hải	66000733-00-7282	09/7/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A5	
13	Khánh Seo Hoàng	66000733-00-7283	26/4/2010	Nam	H'Mông	Lớp 10A5	
14	Vũ Thị Kim Huệ	66000733-00-7284	28/8/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A5	
15	Nguyễn Nhật Huy	66000733-00-7285	06/10/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A5	
16	Hồ Thị Thu Huyền	66000733-00-7286	30/8/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A5	
17	Đoàn Trung Kiên	66000733-00-7287	13/6/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A5	
18	Nguyễn Bùi Linh Linh	66000733-00-7288	04/4/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A5	
19	Đặng Cẩm Ly	66000733-00-7289	03/01/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A5	
20	Ma Văn Mạnh	66000733-00-7290	19/4/2010	Nam	H'Mông	Lớp 10A5	
21	Võ Trà My	66000733-00-7291	23/4/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A5	
22	Hoàng Giang Na	66000733-00-7292	23/10/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A5	
23	Nguyễn Thị Tổ Nga	66000733-00-7293	23/5/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A5	
24	Lý Thị Ngọc	66000733-00-7294	15/9/2010	Nữ	H'Mông	Lớp 10A5	
25	Trần Thị Hồng Nguyên	66000733-00-7295	31/8/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A5	
26	Nguyễn Thị Mỹ Nhi	66000733-00-7297	18/7/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A5	
27	Phùng Thị Yến Nhi	66000733-00-7296	18/4/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A5	
28	Võ Kim Oanh	66000733-00-7299	09/8/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A5	
29	Thào Thị Sinh	66000733-00-7300	22/01/2010	Nữ	H'Mông	Lớp 10A5	
30	Cháng Seo Sù	66000733-00-7301	15/02/2010	Nam	H'Mông	Lớp 10A5	
31	Nguyễn Văn Sứ	66000733-00-7307	17/01/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A5	
32	Hoàng Thị Thảo	66000733-00-7302	13/9/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A5	
33	Lê Thái Quỳnh Trân	66000733-00-7303	05/10/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A5	
34	Nguyễn Thị Huyền Trang	66000733-00-7305	07/7/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A5	
35	Nguyễn Thị Trang	66000733-00-7304	16/12/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A5	
36	Phạm Thị Bảo Vy	66000733-00-7306	06/6/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A5	

Danh sách này có 36 học sinh./.

DANH SÁCH HỌC SINH
Lớp 11A6

GVCN: Phạm Thị Hằng - SĐT: 0986648129

Nhóm môn học lựa chọn: Vật lý - Địa lý - GDKTPL - Tin học

Cụm chuyên đề học tập: Lịch sử - Vật lý - Tin học

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	Nguyễn Lương Sáu	54072825	04/12/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B5	
2	Trần Tiến Tài	54072828	21/5/2009	Nam	Kinh	Lớp 10A6	
3	Nguyễn Thế Anh	66000733-00-7309	08/02/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A6	
4	Nguyễn Thị Hà Anh	66000733-00-7308	06/11/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A6	
5	Nguyễn Tuấn Anh	66000733-00-7337	08/12/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A6	
6	Nguyễn Thị Ngọc Anh	66000733-00-7310	22/7/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A6	
7	Nguyễn Phạm Khánh Bằng	66000733-00-7311	30/10/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A6	
8	Phạm Gia Bảo	66000733-00-7312	17/7/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A6	
9	Nguyễn Văn Quang Bình	66000733-00-7313	29/12/2009	Nam	Kinh	Lớp 10A6	
10	Trần Trung Chính	66000733-00-7314	24/01/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A6	
11	Lưu Xuân Đại	66000733-00-7315	10/3/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A6	
12	Nguyễn Bảo Đăng	66000733-00-7316	01/11/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A6	
13	Đặng Quốc Duy	66000733-00-7317	14/02/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A6	
14	Hồ Ngọc Hà	66000733-00-7318	18/4/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A6	
15	Trịnh Nguyên Hạo	66000733-00-7319	06/5/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A6	
16	Nguyễn Xuân Khánh	66000733-00-7320	17/4/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A6	
17	Nguyễn Thị Kim Ngân	66000733-00-7321	08/6/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A6	
18	Nguyễn Thảo Nguyên	66000733-00-7322	10/7/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A6	
19	Trương Gia Phong	66000733-00-7324	13/11/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A6	
20	Cao Đức Phúc	66000733-00-7327	06/7/2009	Nam	Kinh	Lớp 10A6	
21	Hà Quang Phúc	66000733-00-7326	10/8/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A6	
22	Nguyễn Thế Phúc	66000733-00-7325	16/11/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A6	
23	Nguyễn Văn Quyền	66000733-00-7328	29/11/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A6	
24	Hồ Văn Quyết	66000733-00-7329	22/3/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A6	
25	Đoàn Quang Sang	66000733-00-7330	02/4/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A6	
26	Nguyễn Thái Sơn	66000733-00-7331	19/9/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A6	
27	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	66000733-00-7332	01/02/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A6	
28	Nguyễn Thế Hoàng Thịnh	66000733-00-7333	26/3/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A6	
29	Trần Quỳnh Thư	66000733-00-7334	03/10/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A6	
30	Dương Công Thuận	66000733-00-7335	21/4/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A6	
31	Trần Anh Tú	66000733-00-7336	01/9/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A6	

Danh sách này có 31 học sinh./.

DANH SÁCH HỌC SINH
Lớp 11A7

GVCN: Lê Thị Thu An - SĐT: 0343974484

Nhóm môn học lựa chọn: Vật lý - Địa lý - GDKTPL - Tin học

Cụm chuyên đề học tập: Lịch sử - Vật lý - Địa lý

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	Phạm Thế Anh	54072844	25/12/2009	Nam	Kinh	Lớp 10A7	
2	Võ Chí Bảo	54072846	14/4/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B6	
3	Nguyễn Quốc Huy	54072860	12/9/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B6	
4	Hồ Xuân Thành	47758987	06/12/2007	Nam	Kinh	Lớp 11B6	
5	Trần Hoàng Anh	66000733-00-7338	11/10/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A7	
6	Trương Trần Ngọc Anh	66000733-00-7339	07/01/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A7	
7	Ngô Gia Bảo	66000733-00-7340	19/10/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A7	
8	Châu Thị Bé	66000733-00-7341	24/5/2009	Nữ	HMông	Lớp 10A7	
9	Trần Thị Ngọc Bình	66000733-00-7342	26/7/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A7	
10	Bùi Nguyễn Quang Chiến	66000733-00-7343	13/12/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A7	
11	Nguyễn Anh Đạt	66000733-00-7344	21/4/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A7	
12	Ma Thị Dong	66000733-00-7345	23/7/2010	Nữ	HMông	Lớp 10A7	
13	Hàng Thị Giông	66000733-00-7346	20/11/2010	Nữ	HMông	Lớp 10A7	
14	Phạm Thị Hạnh	66000733-00-7347	12/01/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A7	
15	Đoàn Văn Hẹn	66000733-00-7348	03/01/2009	Nam	Kinh	Lớp 10A7	
16	Hồ Mỹ Hoa	66000733-00-7349	01/01/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A7	
17	Nguyễn Huy Hoàng	66000733-00-7350	26/6/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A7	
18	Nguyễn Huy Hoàng	66000733-00-7351	10/10/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A7	
19	Hàng Văn Khương	66000733-00-7352	07/9/2008	Nam	HMông	Lớp 10A7	
20	Trần Văn Kiên	66000733-00-7353	23/6/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A7	
21	Trương Anh Kiệt	66000733-00-7354	04/12/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A7	
22	Sùng Thị Liên	66000733-00-7355	20/4/2010	Nữ	HMông	Lớp 10A7	
23	Hồ Thị Quỳnh Nhi	66000733-00-7323	17/10/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A7	
24	Trần Thị Yến Nhi	66000733-00-7356	18/01/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A7	
25	Châu Tiên Phong	66000733-00-7357	19/3/2010	Nam	HMông	Lớp 10A7	
26	Hồ Xuân Sang	66000733-00-7358	25/02/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A7	
27	Trương Đức Tấn Tài	66000733-00-7359	04/12/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A7	
28	Vàng Trung	66000733-00-7361	25/10/2009	Nam	HMông	Lớp 10A7	
29	Hàng Tiên Trường	66000733-00-7362	20/8/2010	Nam	HMông	Lớp 10A7	
30	Nguyễn Anh Tuấn	66000733-00-7364	01/01/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A7	
31	Nguyễn Thái Tuấn	66000733-00-7363	21/5/2010	Nam	Kinh	Lớp 10A7	
32	Đỗ Hoàng Yên	66000733-00-7366	05/8/2010	Nữ	Kinh	Lớp 10A7	

Danh sách này có 32 học sinh./.

DANH SÁCH HỌC SINH
Lớp 12A1

GVCN: Hoàng Thị Tích - SĐT: 0374041070

Nhóm môn học lựa chọn: Vật lý - Hóa học - Tin học - CN (Cơ khí)

Cụm chuyên đề học tập: Toán - Vật lý - Hóa học

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	Trần Nguyễn Ngọc Anh	54072622	13/12/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B1	
2	Thái Ngọc Ân	54072666	20/3/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B1	
3	Trần Thị Thanh Bình	54072623	20/02/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B1	
4	Bùi Văn Anh Chiến	54072670	30/8/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B1	
5	Nguyễn Thị Ánh Dương	54072624	03/4/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B1	
6	Trần Tiến Đạt	54072625	01/4/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B1	
7	Nguyễn Thị Hạnh	54072627	19/11/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B1	
8	Nguyễn Mai Hằng	54072628	28/01/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B1	
9	Vũ Ngọc Hân	54072629	06/3/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B1	
10	Giáp Bá Hiệp	54072630	14/10/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B1	
11	Trương Hoàng Thu Hoài	54072631	21/3/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B1	
12	Nguyễn Quốc Hùng	54072632	28/7/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B1	
13	Lê Thiên Hương	54072634	18/7/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B1	
14	Nguyễn Trần Thu Hương	54072633	30/3/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B1	
15	Trần Nguyễn Duy Khánh	54072635	14/3/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B1	
16	Hoàng Thiên Lam	54072636	29/3/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B1	
17	Hoàng Thị Mai Linh	54072637	18/01/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B1	
18	Hồ Trần Gia Linh	54072639	29/4/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B1	
19	Nguyễn Thị Linh	54072638	13/8/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B1	
20	Trịnh Thị Xuân Mai	54072640	20/6/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B1	
21	Hoàng Thị Trà My	54072643	21/8/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B1	
22	Hồ Trần Trà My	54072642	18/4/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B1	
23	Nguyễn Ngọc Huyền My	54072641	30/3/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B1	
24	Đoàn Trọng Nghĩa	54072697	01/11/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B1	
25	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	54072644	16/9/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B1	
26	Phan Đình Nhân	54072645	07/7/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B1	
27	Đinh Thị Thảo Nhi	54072646	28/5/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B1	
28	Nguyễn Yến Nhi	54072647	11/8/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B1	
29	Hồ Hữu Phước	54072648	01/5/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B1	
30	Nguyễn Thái Sơn	54072650	01/7/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B1	
31	Hồ Văn Tân	54072651	10/3/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B1	
32	Hoàng Văn Thành	54072654	14/9/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B1	
33	Trương Công Thành	54072653	13/8/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B1	
34	Tô Thị Phương Thảo	54072655	20/8/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B1	
35	Hoàng Thị Anh Thư	54072656	21/02/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B1	
36	Lê Thị Quỳnh Thư	54072657	11/12/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B1	
37	Mạc Thị Thanh Trà	54072658	03/02/2009	Nữ	Sán Diu	Lớp 11B1	
38	Hoàng Minh Tuấn	54072652	21/01/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B1	
39	Nguyễn Hoàng Diệu Vân	54072659	13/01/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B1	
40	Nguyễn Thái Vinh	54072660	30/8/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B1	
41	Đoàn Nguyên Vũ	54072661	27/9/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B1	
42	Hoàng Hạ Vy	54072662	18/5/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B1	
43	Phùng Bảo Yến	54072663	23/7/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B1	

Danh sách này có 43 học sinh./.

DANH SÁCH HỌC SINH
Lớp 12A2

GVCN: Phạm Thị Mây - SĐT: 0348339036

Nhóm môn học lựa chọn: Hóa học - Sinh học - Địa lý - GDKTPL

Cụm chuyên đề học tập: Toán - Hóa học - Ngữ văn

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Kim Anh	54072664	26/02/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B2	
2	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	54072665	03/11/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B2	
3	Phạm Gia Bảo	54072667	16/6/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B2	
4	Trần Xuân Bắc	54072668	12/3/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B2	
5	Vàng A Dìn	51232088	06/10/2008	Nam	H'Mông	Lớp 11B2	
6	Nguyễn Ngọc Diễm	54072671	09/8/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B2	
7	Vũ Hương Giang	54072626	11/3/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B2	
8	Đặng Thị Hoàng Diệu	54072672	09/9/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B2	
9	Sùng Thị Dưa	54072673	20/02/2009	Nữ	H'Mông	Lớp 11B2	
10	Chu Mạnh Dũng	54072674	18/10/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B2	
11	Phan Thị Hằng	54072677	26/10/2009	Nữ	Tày	Lớp 11B2	
12	Ngô Quốc Hoàng	51712175	16/3/2008	Nam	Kinh	Lớp 11B2	
13	Mai Huy Hoàng	54072679	10/10/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B2	
14	Giảng A Hòa	54392400	17/3/2008	Nam	H'Mông	Lớp 11B2	
15	Trần Thị Huệ	54072680	10/5/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B2	
16	Dương Hải Huy	54072683	27/5/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B2	
17	Lưu Quốc Huy	54072682	31/01/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B2	
18	Lê Văn Hùng	54072681	20/11/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B2	
19	Bùi Đến Lành	54072684	24/5/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B2	
20	Nguyễn Hoài Linh	54072685	13/6/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B2	
21	Nguyễn Thị Ngọc Linh	54072686	28/11/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B2	
22	Trương Thị Hoàng Linh	54072863	23/10/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B2	
23	Nguyễn Thành Long	54072688	09/10/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B2	
24	Nguyễn Tiên Bảo Long	54072687	21/7/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B2	
25	Nguyễn Thị Hạnh Ly	54072689	20/6/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B2	
26	Nguyễn Thị Mai	54072690	02/4/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B2	
27	Nguyễn Văn Mến	54072692	24/11/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B2	
28	Phạm Thị Trà My	54072693	04/3/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B2	
29	Trần Hoàng Nam	54072694	06/3/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B2	
30	Nguyễn Thị Kim Ngân	54072696	18/10/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B2	
31	Nguyễn Lê Thảo Nguyên	54072698	11/5/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B2	
32	Trần Thanh Tài	54072699	19/10/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B2	
33	Nguyễn Thị Anh Thư	54072700	29/11/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B2	
34	Nguyễn Thị Trang	54072702	02/01/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B2	
35	Nguyễn Thùy Trang	54072701	14/8/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B2	
36	Ngô Thị Phương Trinh	54072704	08/10/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B2	
37	Nguyễn Minh Trí	54072703	04/4/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B2	
38	La Thị Vân	54072706	03/02/2009	Nữ	H'Mông	Lớp 11B2	
39	Nguyễn Thị Bích Vân	54072705	02/12/2008	Nữ	Kinh	Lớp 11B2	
40	Mai Thị Yến Vy	54072707	30/3/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B2	

Danh sách này có 40 học sinh./.

DANH SÁCH HỌC SINH
Lớp 12A3

GVCN: Nguyễn Thị Trung Hiếu - SĐT: 0974530044

Nhóm môn học lựa chọn: Địa lý - Sinh học - Tin học - CN (Chăn nuôi)

Cụm chuyên đề học tập: Ngữ văn - Lịch sử - Địa lý

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	Nguyễn Đức Anh	54072710	24/11/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B3	
2	Nguyễn Văn Anh	54072709	02/7/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B3	
3	Phan Tuấn Anh	54072711	08/4/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B3	
4	Lê Nguyễn Hoài Bằng	54072712	18/10/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B3	
5	Nguyễn Phan Bảo Châu	54072714	07/8/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B3	
6	Thào Thị Dỡ	54072715	19/4/2009	Nữ	H'Mông	Lớp 11B3	
7	Nguyễn Khắc Hoàng Duy	54072718	18/5/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B3	
8	Giảng Tiến Dũng	54072716	16/02/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B3	
9	Thào Thị Gấu	54072719	03/4/2009	Nữ	H'Mông	Lớp 11B3	
10	Lê Trọng Hà	54072720	13/4/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B3	
11	Nguyễn Minh Hẹn	54072722	23/9/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B3	
12	Giảng Thị Hoa	54072723	19/4/2009	Nữ	H'Mông	Lớp 11B3	
13	Nguyễn Trần Nhật Huy	54072724	01/02/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B3	
14	Trần Gia Hưng	54072725	18/7/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B3	
15	Sùng Thị Mi La	54072726	06/01/2008	Nữ	H'Mông	Lớp 11B3	
16	Trần Thị Hà Linh	54072727	22/11/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B3	
17	Nguyễn Thị Thảo Ly	54072728	30/6/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B3	
18	Nguyễn Triều Mẫn	54072729	04/4/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B3	
19	Lê Bích Ngân	54072730	12/01/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B3	
20	Ngô Phạm Hoài Ngọc	54072732	30/5/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B3	
21	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	54072731	15/7/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B3	
22	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	54072733	10/11/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B3	
23	Tô Thị Ánh Nguyệt	54072734	04/02/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B3	
24	Nguyễn Thành Nhân	54391097	06/8/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B3	
25	Trần Yến Nhi	54072735	10/6/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B3	
26	Nguyễn Thị Nhung	54072736	02/5/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B3	
27	Trần Thị Gia Như	54072737	08/11/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B3	
28	Nguyễn Tuấn Phúc	54072738	03/6/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B3	
29	Giảng A Phụng	54072739	10/02/2009	Nam	H'Mông	Lớp 11B3	
30	Phạm Thị Mai Phương	54072740	20/02/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B3	
31	Nguyễn Minh Quân	54072741	04/9/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B3	
32	Phạm Thị Lệ Quyên	54072742	19/5/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B3	
33	Thào Thị Sóng	54072743	13/11/2009	Nữ	H'Mông	Lớp 11B3	
34	Lê Anh Tài	54072744	19/5/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B3	
35	Lê Cảnh Thành	54072747	18/01/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B3	
36	Nguyễn Văn Việt Tiến	54072746	04/02/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B3	
37	Sùng A Tiến	54072745	21/12/2009	Nam	H'Mông	Lớp 11B3	
38	Thái Thị Bảo Trân	54072748	03/7/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B3	
39	Nguyễn Văn Uy	54072749	16/10/2009	Nam	Sán Diu	Lớp 11B3	
40	Nguyễn Yến Vy	54072751	04/3/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B3	
41	Thào Thị Xoa	54072752	05/6/2009	Nữ	H'Mông	Lớp 11B3	
42	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	66000733-00-7367	29/9/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B3	

Danh sách này có 42 học sinh./.

DANH SÁCH HỌC SINH
Lớp 12A4

GVCN: Lưu Thị Thanh Nga - SĐT: 0986022569

Nhóm môn học lựa chọn: Địa lý - Sinh học - Tin học - CN (Chăn nuôi)

Cụm chuyên đề học tập: Ngữ văn - Lịch sử - Địa lý

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	Nguyễn Hiền Anh	54072754	01/02/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B4	
2	Nguyễn Lê Hoàng Anh	54072755	22/3/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B4	
3	Nguyễn Thị Ngọc Bích	54072756	20/3/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B4	
4	Nguyễn Ngọc Trần Châu	54072758	24/7/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B4	
5	Mai Thị Kim Chi	54072759	09/5/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B4	
6	Vàng Thị Chi	54072760	23/6/2008	Nữ	HMông	Lớp 11B4	
7	Giàng Thị Chinh	54072761	17/7/2009	Nữ	HMông	Lớp 11B4	
8	Giàng Thị Chung	54072762	28/5/2009	Nữ	HMông	Lớp 11B4	
9	Giàng Thị Danh	54072763	14/8/2009	Nữ	HMông	Lớp 11B4	
10	Nguyễn Lê Dũng	54072764	20/10/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B4	
11	Phạm Đức Đạt	54072765	19/5/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B4	
12	Hồ Huy Hải	54072766	02/01/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B4	
13	Phan Nguyễn Hoàng	54072769	02/3/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B4	
14	Trương Công Khánh	54072770	24/01/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B4	
15	Hoàng Khánh Linh	54072772	16/12/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B4	
16	Nguyễn Thị Khánh Linh	54072773	20/5/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B4	
17	Võ Văn Vương Linh	54072774	02/6/2009	Nam	Mường	Lớp 11B4	
18	Bùi Thị Loan	54072775	25/01/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B4	
19	Trần Thị Hoa Mai	54072776	23/3/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B4	
20	Sùng Thị Mái	54072777	23/10/2009	Nữ	HMông	Lớp 11B4	
21	Lê Duy Mạnh	54072778	19/3/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B4	
22	Phạm Thị Trà My	54072779	07/4/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B4	
23	Sùng Thị Linh Nâu	54072780	17/10/2009	Nữ	HMông	Lớp 11B4	
24	Lê Thị Ngân	54072781	25/01/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B4	
25	Ma Thị Nhe	54072782	28/12/2009	Nữ	HMông	Lớp 11B4	
26	Nguyễn Trần Yến Nhi	54072783	27/8/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B4	
27	Mang Thị Mỹ Phượng	54072649	25/01/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B4	
28	Giàng Thị Như	54072785	16/10/2009	Nữ	HMông	Lớp 11B4	
29	Bùi Thị Hoàng Oanh	54072786	27/7/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B4	
30	Sùng Thị Pàng	54072787	12/10/2009	Nữ	HMông	Lớp 11B4	
31	Lê Thị Thu Phương	54072788	03/9/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B4	
32	Nguyễn Mạnh Quân	54072789	13/4/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B4	
33	Giàng Thị Sung	54072790	11/10/2009	Nữ	HMông	Lớp 11B4	
34	Lý Thị Thư	54072793	01/10/2009	Nữ	HMông	Lớp 11B4	
35	Nguyễn Hương Ngọc Thương	54072794	26/8/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B4	
36	Lê Nguyễn Thùy Tiên	54072791	12/12/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B4	
37	Lê Vĩnh Trọng	54072795	29/10/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B4	
38	Hoàng Thanh Tùng	54072792	08/8/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B4	
39	Lê Minh Văn	54072796	08/3/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B4	
40	Lê Khánh Vinh	54072797	16/02/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B4	
41	Giàng A Ly Ya	54072798	13/9/2007	Nam	HMông	Lớp 11B4	

Danh sách này có 41 học sinh./.

DANH SÁCH HỌC SINH
Lớp 12A5

GVCN: Hoàng Văn Sinh - SĐT: 0984165124

Nhóm môn học lựa chọn: Vật lý - Địa lý - GDKTPL - Tin học

Cụm chuyên đề học tập: Ngữ văn - Lịch sử - Toán

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	Nguyễn Minh Chiến	54072800	24/8/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B5	
2	Giàng Thị Cú	54072799	25/7/2009	Nữ	H'Mông	Lớp 11B5	
3	Nguyễn Văn Danh	54072801	29/01/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B5	
4	Đinh Xuân Dũng	54072802	03/9/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B5	
5	Lù A Dương	54072803	14/02/2009	Nam	H'Mông	Lớp 11B5	
6	Trần Thị Thu Hà	54072805	18/3/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B5	
7	Trần Ngọc Hân	54072806	13/6/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B5	
8	Nguyễn Công Nhật Hoàng	54072808	14/12/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B5	
9	Trần Gia Huy	54072809	23/9/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B5	
10	Hồ Văn Khải	54072811	25/02/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B5	
11	Bùi Gia Kiệt	54072810	14/3/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B5	
12	Nguyễn Xuân Lâm	54072813	28/6/2008	Nam	Kinh	Lớp 11B5	
13	Giàng Seo Minh	54072815	25/01/2008	Nam	H'Mông	Lớp 11B5	
14	Lê Trần Thảo My	54072816	08/02/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B5	
15	Nguyễn Thị Như Ngọc	54072818	28/6/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B5	
16	Nguyễn Thị Thanh Nhân	54072819	31/01/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B5	
17	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	54072821	15/3/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B5	
18	Đặng Nguyễn Tường Quân	54072823	11/01/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B5	
19	Trần Thị Như Quỳnh	54072824	20/4/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B5	
20	Kiêng Thị Minh Quý	54072822	06/3/2009	Nữ	Tày	Lớp 11B5	
21	Vàng Thị Si	54072826	06/01/2007	Nữ	H'Mông	Lớp 11B5	
22	Nguyễn Ngọc Trường Sơn	54072827	31/01/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B5	
23	Đoàn Trọng Thóa	54072831	28/5/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B5	
24	Hồ An Thuyền	54072833	30/10/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B5	
25	Hồ Nguyễn Điều Thuyền	54072834	22/02/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B5	
26	Phạm Thị Phương Thùy	54072832	23/4/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B5	
27	Đoàn Thị Kim Thư	54072835	11/01/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B5	
28	Hoàng Huyền Trang	54072836	06/8/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B5	
29	Nguyễn Thị Thùy Trang	54072837	01/8/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B5	
30	Trần Lê Bảo Trâm	54072838	07/11/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B5	
31	Ngô Quang Trung	54072839	17/9/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B5	
32	Nguyễn Xuân Trường	54072841	02/7/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B5	
33	Lê Công Tuấn	54072890	04/01/2007	Nam	Kinh	Lớp 11B5	
34	Giàng A Tú	54072830	07/10/2009	Nam	H'Mông	Lớp 11B5	
35	Hoàng Thanh Tú	54072829	13/01/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B5	

Danh sách này có 35 học sinh./.

DANH SÁCH HỌC SINH
Lớp 12A6

GVCN: Nguyễn Văn Khải - SĐT: 0386785614

Nhóm môn học lựa chọn: Vật lý - Địa lý - GDKTPL - Tin học

Cụm chuyên đề học tập: Ngữ văn - Lịch sử - Toán

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	Đặng Thanh Bảo	54072847	28/11/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B6	
2	Thào Chung Cảnh	54072848	29/4/2009	Nam	H'Mông	Lớp 11B6	
3	Võ Thị Quỳnh Chi	54072849	03/7/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B6	
4	Nguyễn Khánh Dương	54072852	01/12/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B6	
5	Trần Đình Đình	54072855	10/01/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B6	
6	Giàng Seo Đồng	54072856	06/02/2009	Nam	H'Mông	Lớp 11B6	
7	Đầu Thị Hiếu	54072858	08/01/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B6	
8	Lý Thị Hoa	54072859	10/12/2009	Nữ	H'Mông	Lớp 11B6	
9	Trương Đức Hưng	54072861	25/5/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B6	
10	Nguyễn Thị Huyền My	54072864	16/6/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B6	
11	Hoàng Gia Nghi	54072865	09/5/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B6	
12	Đoàn Nguyễn Như Ngọc	54072866	25/8/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B6	
13	Thào Seo Nội	51367304	28/3/2008	Nam	H'Mông	Lớp 11B6	
14	Võ Lê Hồng Quyên	54072872	20/4/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B6	
15	Hoàng Thị Ngọc Quỳnh	54072873	09/5/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B6	
16	Thào Seo Tê	54072874	13/11/2006	Nam	H'Mông	Lớp 11B6	
17	Nguyễn Sỹ Thông	54072880	04/02/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B6	
18	Trần Thị Thanh Trà	54072882	01/01/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B6	
19	Lưu An Tuyên	54072879	23/3/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B6	
20	Nguyễn Ngọc Tú	54072876	15/4/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B6	
21	Trần Thanh Vãn	54072883	16/9/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B6	
22	Thào Seo Vi	54072884	08/01/2009	Nam	H'Mông	Lớp 11B6	
23	Nguyễn Tuấn Vũ	54072886	16/02/2009	Nam	Kinh	Lớp 11B6	
24	Trần Văn Vương	54072889	17/7/2008	Nam	Kinh	Lớp 11B6	
25	Đầu Thị Hải Yến	54072888	28/11/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B6	
26	Trần Thị Hải Yến	54072887	15/4/2009	Nữ	Kinh	Lớp 11B6	

Danh sách này có 26 học sinh./.